

Bản án số: 84/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 5 - 2026

V/v: “Ly hôn; Tranh chấp về
nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Ngọc Minh và bà Hứa Thị Mây Sum.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Khánh Hòa tham gia phiên tòa: ông Lê Muộn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 243/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2025 về “Ly hôn; Tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79a/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 62/2026/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Toà án nhân dân khu vực 8 - Khánh Hoà, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Trần Thị H. - sinh năm 1992 (yêu cầu vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn 1 Liên Hương, xã Liên Hương, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Văn T. - sinh năm 1982 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn Bàu Ngự, xã Phước Dinh, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trần Thị H. trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T. sống chung đời sống vợ chồng từ năm 2017, tự nguyện tìm hiểu nhau, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn ngày tại UBND thị trấn Liên Hương. Chị và anh T. có 01 (Một) con chung tên là: Nguyễn Trần Anh T., sinh ngày 02/3/2018, đang sống với chị. Quá trình sống chung, vợ chồng sống không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn: Bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp về tình cảm vợ chồng, anh T. thường hay ghen tuông và cãi nhau với chị. Chị và anh T. không còn sống chung từ tháng 10 năm 2025 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn T.. Về con chung: Chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung nêu trên và không yêu cầu anh T. cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt tại tất cả các giai đoạn tố tụng trong vụ án này.

Quá trình tố tụng bị đơn anh Nguyễn Văn T. đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để tham gia phiên tòa sơ thẩm vụ án nhưng vắng mặt không có lý do, không tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện cho Tòa án.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H.. Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Chị Trần Thị H. khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn anh Nguyễn Văn T. và yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, đây là vụ án về Hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn; Tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Anh Nguyễn Văn T. cư trú tại thôn Bầu Ngừ, xã Phước Dinh, tỉnh Khánh Hòa. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Khánh Hòa.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị H. có yêu cầu giải quyết vắng mặt; Bị đơn anh T. đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị H. và anh T..

[3]. *Về nội dung vụ án:*

[3.1/]. Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 241 ngày 17/11/2017 của UBND thị trấn Liên Hương (BL 03), thể hiện: chị H. và anh T. có đăng ký kết hôn ngày 17/11/2017. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa chị H. và anh T. là hợp pháp, thời điểm kết hôn vào ngày 17/11/2017, có đủ các điều kiện kết hôn quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2/]. Quá trình chung sống vợ chồng: Căn cứ lời khai của chị H. và Biên bản xác minh ngày 06/02/2026 (BL 16), đủ cơ sở xác định: Vợ chồng chị H. và anh T. đã không còn chung sống với nhau và không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau từ năm 2025 đến nay. anh T. đã đi khỏi địa phương, thỉnh thoảng có trở về địa phương nhưng không rõ thời điểm trở về. Quá trình giải quyết vụ án, chị H. yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, anh T. cũng không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H., điều này chứng tỏ các bên không có thiện chí hòa giải hàn gắn nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H. và anh T. đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H. yêu cầu ly hôn anh T. là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3/]. Về con chung: chị H. yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là: Nguyễn Trần Anh T., sinh ngày 02/3/2018 và không yêu cầu anh T. cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay con chung đang sống chung với chị H. và có nguyện vọng được sống với mẹ. anh T. cũng không có ý kiến đối với yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị H. trong vụ án này. Do đó, việc chăm sóc, giáo dục con của chị H. sẽ tốt hơn cho sự phát triển bình thường của cháu Tú. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Tú cho chị H. trực tiếp nuôi dưỡng. Do chị H. không yêu cầu anh T. cấp dưỡng nuôi con nên không xét đến.

[3.4/]. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4/]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Khánh Hòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

[5/]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nguyên đơn chị H. phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự trong vụ án hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các điều 28, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 39 Bộ luật Dân sự; Các điều 8, 9, 51, 53,

56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H. được ly hôn anh Nguyễn Văn T..

2. Về con chung: Giao chị Trần Thị H. trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Nguyễn Trần Anh T., sinh ngày 02/3/2018.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: chị Trần Thị H. phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị H. đã nộp theo Biên lai thu số 0004255 ngày 04/12/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Khánh Hòa. chị H. đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tổng đạt được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 8 - Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- UBND xã Liên Hương;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Tâm

